

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ GẠO  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **540/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 30 tháng 9 năm 2022

V/v tranh chấp “Ly hôn, tranh  
chấp nuôi con và chia tài sản  
khi ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huyền Ni.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Bé.
2. Ông Nguyễn Hoa Kiều.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Nguyễn Ái Quyên - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Minh Thanh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 tháng 9 năm 2022 và ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 203/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Minh Tr**, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Ấp T, xã Th, huyện C, tỉnh T1.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Bùi Lưu L - Luật sư Văn phòng luật sư L1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh T1.

Địa chỉ: Khu phố B, phường M, thành phố M, tỉnh T1.

2. Bị đơn: Chị **Võ Thị Thu H**, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Ấp T, xã Th, huyện C, tỉnh T1.

Tạm trú: Ấp Đ, xã Th, huyện C, tỉnh T1.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Huỳnh N - Luật sư Văn phòng luật sư V Chi nhánh T thuộc Đoàn luật sư tỉnh T.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Nguyễn Thị Kim H2**, sinh năm 1952;

- Anh **Nguyễn Quốc B**, sinh năm 1985;

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã Th, huyện C, tỉnh T1.

- **Ngân hàng N**;

Địa chỉ: Phường Th1, quận B, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Th2. Chức vụ: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hoàng M. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N- Chi nhánh huyện C (Theo giấy ủy quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019;

Địa chỉ: Khu M, thị trấn C, huyện C, tỉnh T.

- Anh **Nguyễn Tr T2**, sinh ngày 24/4/2004;

Địa chỉ: Ấp T, xã Th, huyện C, tỉnh T1.

(Có mặt anh Tr, chị H, ông L, chị N; vắng mặt bà H, anh B, anh T2, Ngân hàng N)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện ngày 25/02/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là anh Nguyễn Minh Tr trình bày: Anh và chị Võ Thị Thu H chung sống với nhau và có tổ chức đám cưới vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện C, tỉnh T vào ngày 29/8/2001. Thời gian đầu vợ chồng chung sống H phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do chị H không lo làm ăn mà lấy tiền của anh đem về nhà cha mẹ ruột và có quan hệ với người đàn ông khác. Vợ chồng ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với chị H.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Trung T2, sinh ngày 24/02/2004 (đã trưởng thành) và Nguyễn Trung H1, sinh ngày 19/02/2014. Khi ly hôn, anh Tr đồng ý giao cháu H1 cho chị H nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Có 02 lượng vàng 24Kv và 120.000.000 đồng mà chị H đang giữ. Anh yêu cầu được nhận 1/2 tài sản chung này, tạm tính là 113.000.000 đồng.

Anh thống nhất với chị H về tài sản chung mà chị H trình bày. Anh đồng ý giao căn nhà tại ấp T, xã Th, huyện C, tỉnh T1; 01 đi văng gỗ; 01 giường hộp gỗ; 01 máy giặt hiệu Sanyo; 60 cây bưởi da xanh và hàng rào lưới B40 cho chị H quản lý, sử dụng; chị H hoàn lại cho anh 1/2 giá trị các tài sản này. Anh đồng ý nhận hiện vật là 01 xe Airblade biển số 63B4-337.80, anh hoàn lại cho chị H 1/2 giá trị là 10.000.000 đồng.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại đơn khởi kiện ngày 18/3/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Võ Thị Thu H trình bày: Chị và anh Nguyễn Minh Tr chung sống với nhau và có tổ chức đám cưới vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân xã Th, huyện C, tỉnh T1 vào ngày 29/8/2001. Thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh Tr thường xuyên đánh đập chị. Ngày 28/02/2018 âm lịch, do anh Tr hăm dọa và đuổi chém chị nên chị về nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng ly thân cho đến nay.

Về hôn nhân: Chị đồng ý ly hôn với anh Tr.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Trung T2, sinh ngày 24/02/2004 (đã trưởng thành) và Nguyễn Trung H1, sinh ngày 19/02/2014. Khi ly hôn, chị đồng ý nuôi cháu H1, không yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị yêu cầu chia đôi các tài sản chung là căn nhà tại ấp T, xã Th, huyện C, tỉnh T1; 01 đi văng gỗ; 01 giường hộp gỗ; 01 máy giặt hiệu Sanyo; 01 xe Airblade biển số 63B4-337.80; 01 tủ tivi; 01 kho rơm; 2.000 lợn rơm; 60 cây bưởi da xanh và hàng rào lưới B40 cho anh Tr quản lý, sử dụng; Chị yêu cầu giao cho anh Tr các tài sản trên, anh Tr hoàn lại cho chị 1/2 giá trị.

Chị không có giữ 02 lượng vàng 24Kv và 120.000.000 đồng như anh Tr trình bày, số tiền và vàng này đã dùng vào việc đầu tư cho kho rơm khi vợ chồng còn chung sống với nhau.

Tại đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 08/8/2022, chị H2 trình bày: Chị không yêu cầu giải quyết đối với 01 tủ tivi; 01 kho rơm và 2.000 lợn rơm.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại bản khai ngày 02/6/2020 và đơn yêu cầu Tòa án hòa giải và xét xử vắng mặt ngày 01/7/2020, bà Nguyễn Thị Kim H2 trình bày: Bà có cho anh Nguyễn Minh Tr và chị Võ Thị Thu H xây nhà, trồng cây và làm hàng rào trên phần đất thuộc thửa số 837, tờ bản đồ số 3, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2528/QSĐĐ/Số 80/QĐUBHCG do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà vào ngày 29/01/2004. Nay chị H yêu cầu chia các tài sản chung là căn nhà, bưởi và hàng rào trên đất thì bà không có ý kiến. Bà xin được vắng mặt trong các buổi hòa giải và xét xử vụ án.

\* Tại đơn yêu cầu Tòa án hòa giải và xét xử vắng mặt ngày 01/7/2020, anh Nguyễn Quốc B trình bày: Anh xin được vắng mặt trong các buổi hòa giải và xét xử vụ án.

\* Tại đơn xin vắng mặt ngày 22/8/2022, anh Nguyễn Tr T2 trình bày: Anh đang sống trên căn nhà đang tranh chấp, anh không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với căn nhà này, anh xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

\* Tại văn bản số 35A/NHNo.CG-TD ngày 71/9/2022, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N (Ngân hàng), ông Trần Hoài Minh trình bày: Ngân hàng đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2528/QSĐĐ/Số 80/QĐUBHCG do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị Kim H2 vào ngày 29/01/2004. Đây là vụ án tranh chấp ly hôn, không ảnh hưởng gì đến khoản nợ vay nên xin được vắng mặt trong các buổi xét xử vụ án.

\* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn anh Nguyễn Minh Tr trình bày: Anh và chị H ly thân từ tháng 4 năm 2018, khi chị H bỏ nhà đi, trước buổi hòa giải ngày 18/4/2018 tại Công an xã Th, huyện C. Khi chị Võ Thị Thu H bỏ nhà đi thì trong kho rơm chỉ có vài trăm lọn rơm. Chị H đã thừa nhận khi chị bỏ nhà đi có đem theo vàng và tiền là câu nói «Nhu vậy mình đã trả nợ hết rồi và đã mua được 02 lượng vàng 24Kr và dư được 120.000.000 đồng, hỏi có ai trong hai năm như vợ chồng vậy không?» của chị H trong đoạn ghi âm. Đoạn ghi âm này anh ghi âm vào buổi hòa giải ngày 18/4/2018 tại Công an xã Th, huyện C. Anh và chị H chỉ hòa giải tại Công an xã Th chỉ một lần, khi hòa giải không có lập biên bản. Anh vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh đồng ý giao cho căn nhà tại ấp T, xã Th, huyện C, tỉnh T; 01 đi vắng gỗ; 01 giường hộp gỗ; 01 máy giặt hiệu Sanyo; 60 cây bưởi da xanh và hàng rào lưới B40 cho chị H quản lý, sử dụng, không yêu cầu chị H trả lại anh 1/2 giá trị các tài sản trên do hiện anh không có ở trong căn nhà, chỉ có cháu T2 ở. Anh đồng ý nhận hiện vật là 01 xe Airblade biển số 63B4-337.80, anh hoàn lại cho chị H 1/2 giá trị là 10.000.000 đồng.

- Bị đơn chị Võ Thị Thu H trình bày: Chị đã đi khỏi căn nhà vào khoảng thời gian từ tháng 3 đến tháng 4 năm 2018, khi chị đi thì chị vừa nhập rơm vào đầy kho. Chị là người giữ tiền trong gia đình nhưng anh Tr biết chỗ chị để tiền và thường xuyên lấy để tiêu xài cá nhân. Chị đã dùng số tiền 120.000.000 đồng và 02 lượng vàng 24Kr để trả nợ chung của vợ chồng, đầu tư kho rơm vào năm 2017 trước khi chị và anh Tr ly thân. Khi bán vàng thì không có hóa đơn và chị không nhớ rõ bán tiệm vàng nào do chị thường mua nhiều tiệm vàng, mua và bán nhiều lần. Chị nhập rơm nhiều lần không có hóa đơn. Chị trả nợ khoảng trên 200.000.000 đồng, nhập rơm đầy kho khoảng 88 triệu đồng. Khi chị đi khỏi nhà không có giữ số tiền 120.000.000 đồng và 02 lượng vàng 24Kr như anh Tr trình bày. Chị không đồng ý với yêu cầu chia tài sản chung của anh Tr. Chị không yêu cầu giải quyết đối với 01 tủ tivi; 01 kho rơm và 2.000 lọn rơm. Chị yêu cầu chia đôi các tài sản chung là căn nhà tại ấp T, xã Th, huyện C, tỉnh T; 01 đi vắng gỗ; 01 giường hộp gỗ; 01 máy giặt hiệu Sanyo; 01 xe Airblade biển số 63B4-337.80; 60 cây bưởi da xanh và hàng rào lưới B40, giao cho anh Tr các tài sản trên, anh Tr hoàn lại cho chị 1/2 giá trị.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là ông Bùi Lưu L trình bày: Anh Tr và chị H đã thống nhất về quan hệ hôn nhân, con chung. Hai bên thống nhất về tài sản chung nhưng không thống nhất về cách chia. Hai bên thống nhất chị H có giữ số tiền 120.000.000 đồng và 02 lượng vàng 24Kr. Anh Tr yêu cầu nhận xe máy hoàn lại cho chị H 10.000.000 đồng. Chị H yêu cầu chia đôi căn nhà tại ấp T, xã Th, huyện C, tỉnh T; 01 đi vắng gỗ; 01 giường hộp gỗ; 01 máy giặt hiệu Sanyo; 60 cây bưởi da xanh và hàng rào lưới B40, giao cho anh Tr hiện vật, anh Tr hoàn lại cho chị H 1/2 giá trị thì anh Tr không đồng ý. Anh Tr đang quản lý, sử dụng tài sản nhưng không có nhu cầu sử dụng nên anh Tr đồng ý giao nhà và tài sản cho chị H quản lý, sử dụng. Chị H trình bày không có giữ vàng và tiền là không có căn cứ do chị H không có giấy tờ chứng minh và anh Tr không thừa nhận nên yêu cầu của anh Tr là có căn cứ. Đoạn ghi âm được ghi âm vào thời gian nào không làm thay đổi số tiền 120.000.000 đồng và 02 lượng vàng 24Kr là tài sản chung của vợ chồng anh Tr và chị H.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là chị Nguyễn Thị Huỳnh N trình bày: Về quan hệ hôn nhân, con chung thì anh Tr và chị H đã thống nhất. Về tài sản chung: Anh Tr yêu cầu giao hiện vật là căn nhà tại ấp T, xã Th, huyện C, tỉnh T; 01 đi văng gỗ; 01 giường hộp gỗ; 01 máy giặt hiệu Sanyo; 60 cây bưởi da xanh và hàng rào lưới B40 cho chị H quản lý, sử dụng nhưng chị H không thể nhận hiện vật được do các tài sản này đang nằm trên phần đất của mẹ anh Nguyễn Minh Tr là bà Nguyễn Thị Kim H2. Chị H đã đi khỏi nhà vào khoảng từ tháng 3 đến tháng 4 năm 2018 do anh Tr rượt đánh chị. Anh Tr không cung cấp được ngày tháng năm của đoạn ghi âm, chị H thừa nhận đoạn ghi âm này vào buổi hòa giải tại Công an xã Th, huyện C năm 2017 do chị bị anh Tr đánh gây sống mũi. Đoạn ghi âm chỉ thể hiện một phần lời nói của chị H, chị có trình bày sử dụng số tiền này vào việc gì nhưng đã bị cắt phần này nên đoạn ghi âm không có tính khách quan. Vì vậy, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị H, không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của anh Tr.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử, đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử chuẩn bị nghị án đều đúng theo trình tự do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Tr và chị H; giao cháu H1 cho chị H cho chị H nuôi dưỡng, anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con.

Nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên thừa nhận tài sản chung gồm căn nhà tại ấp T, xã Th, huyện C, tỉnh T; 01 đi văng gỗ; 01 giường hộp gỗ; 01 máy giặt hiệu Sanyo; 01 xe Airblade biển số 63B4-337.80; 60 cây bưởi da xanh và hàng rào lưới B40.

Đối với căn nhà tại ấp T, xã Th, huyện C, tỉnh T; 60 cây bưởi da xanh và hàng rào lưới B40 là tài sản gắn liền với đất, đất do mẹ anh Tr đứng tên, anh Tr đang quản lý, sử dụng các tài sản này, chị H bỏ đi từ năm 2018 cho đến nay. Đề nghị Hội đồng xét xử chia đôi căn nhà tại ấp T, xã Th, huyện C, tỉnh T; 01 đi văng gỗ; 01 giường hộp gỗ; 01 máy giặt hiệu Sanyo; 60 cây bưởi da xanh và hàng rào lưới B40, giao cho anh Tr nhận hiện vật, anh Tr hoàn lại cho chị H 1/2 giá trị.

Đối với 01 xe Airblade biển số 63B4-337.80, anh Tr và chị H thống nhất anh Tr nhận hiện vật, anh Tr hoàn lại chị H 10.000.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với số tiền 120.000.000 đồng và 02 lượng vàng 24Kr: Anh Tr trình bày chị H đang giữ. Chị H trình bày chị có giữ nhưng đã chi tiêu vào kho rơm và trả nợ khi vợ chồng còn sống chung. Anh Tr trình bày đoạn ghi âm được ghi âm vào năm 2018, chị H trình bày đoạn ghi âm được ghi âm vào năm 2017. Qua xác minh thì anh Tr trình bày anh không nhớ đoạn ghi âm được ghi âm vào năm nào do Công an xã Thanh Bình hòa giải anh Tr và chị H nhiều lần. Không có căn cứ cho rằng chị

H đang giữ, chị H dùng tiền và vàng này cho cá nhân hay cho gia đình. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của anh Tr.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của đương sự, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về quan hệ tranh chấp:**

Anh Tr khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp nuôi con và yêu cầu chia tài sản khi ly hôn với chị H, chị H khởi kiện chia tài sản khi ly hôn với anh Tr nên đây là tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn được quy định tại các Điều 51, 58 và 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

#### **[2] Về tố tụng:**

Bị đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện được thực hiện trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên được chấp nhận.

Trong quá trình thụ lý giải quyết đối với vụ án, Tòa án có đưa anh Nguyễn Văn Em vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Nay chị H không yêu cầu giải quyết đối với kho rơm và 2.000 lợn rơm nữa nên Tòa án không đưa anh Nguyễn Văn Em vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bà Nguyễn Thị Kim Hương, anh Nguyễn Quốc Bình, anh Nguyễn Tr Tính và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Kim Hương, anh Nguyễn Quốc Bình, anh Nguyễn Tr Tính và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

#### **[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:**

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Minh Tr và chị Võ Thị Thu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Thanh Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Anh Nguyễn Minh Tr yêu cầu ly hôn với chị H và chị H đồng ý nên Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Tr và chị H theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 02 con chung là Nguyễn Trung T2, sinh ngày 24/02/2004 (đã thành niên và có khả năng lao động) và Nguyễn Trung H1, sinh ngày 19/02/2014. Khi ly hôn, anh Tr và chị H thống nhất giao cháu H1 cho chị H nuôi dưỡng, anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận theo Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

#### **[3.3] Về tài sản chung:**

Bà Nguyễn Thị Kim H2, anh Nguyễn Quốc B, anh Nguyễn Trung T2 và Ngân hàng N không có yêu cầu gì trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Tr và chị H thống nhất trong thời kỳ hôn nhân anh chị có các tài sản chung gồm: Căn nhà kết cấu C1, diện tích 149,25m<sup>2</sup> kết cấu móng cột bê tông cốt thép, nền gạch ceramic, vách tường, khu phụ đỡ mái gỗ quy cách, mái tole ximăng nằm trên phần đất thuộc thửa số 837, tờ bản đồ số 3, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2528/QSĐĐ/Số 80/QĐUBHCG do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị Kim H vào ngày 29/01/2004 tại ấp T, xã Th, huyện C, tỉnh T; 01 đi văng gỗ đỏ, thao lao kích thước 1,7m x 2,7m; 01 giường gỗ cây thao lao kích thước 1,6mx2m; 01 máy giặt hiệu Sanyo loại 6kg; 60 cây bưởi da xanh loại D và hàng rào lưới B40 diện tích 331,2m<sup>2</sup>; 01 xe máy hiệu Airblade biển số 63B4-337.80.

Anh Tr và chị H thống nhất với giá của Hội đồng định giá tại biên bản định giá ngày 03/7/2020.

Chị H yêu cầu giao căn nhà kết cấu C1, diện tích 149,25m<sup>2</sup> kết cấu móng cột bê tông cốt thép, nền gạch ceramic, vách tường, khu phụ đỡ mái gỗ quy cách, mái tole ximăng nằm trên phần đất thuộc thửa số 837, tờ bản đồ số 3, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2528/QSĐĐ/Số 80/QĐUBHCG do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị Kim H2 vào ngày 29/01/2004 tại ấp T, xã Th, huyện C, tỉnh T; 01 đi văng gỗ đỏ, thao lao kích thước 1,7m x 2,7m; 01 giường gỗ cây thao lao kích thước 1,6mx2m; 01 máy giặt hiệu Sanyo loại 6kg; 60 cây bưởi da xanh loại D và hàng rào lưới B40 diện tích 331,2m<sup>2</sup> cho anh Tr tiếp tục quản lý, sử dụng. Anh Tr không đồng ý, anh Tr yêu cầu giao các tài sản này cho chị H quản lý, sử dụng. Xét thấy, trong suốt quá trình giải quyết vụ án và qua xem xét, thẩm định của Tòa án thì anh Tr đang quản lý, sử dụng các tài sản này. Tại phiên tòa, anh Tr trình bày anh không ở trong căn nhà tranh chấp là không có cơ sở. Các tài sản này nằm trên phần đất của mẹ anh Tr là bà Nguyễn Thị Kim H2 nên Hội đồng xét xử giao các tài sản cho anh Tr tiếp tục quản lý, sở hữu, anh Tr hoàn lại cho chị H 1/2 giá trị của các tài sản trên là 195.241.000 đồng theo Khoản 3 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh Tr đồng ý nhận hiện vật là 01 xe máy hiệu Airblade biển số 63B4-337.80, anh hoàn lại cho chị H 1/2 giá trị là 10.000.000 đồng. Chị H đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tổng cộng, anh Tr phải hoàn lại cho chị H số tiền 205.241.000 đồng.

Ngoài ra anh Tr trình bày vợ chồng còn có tài sản chung là 02 lượng vàng 24Kr và 120.000.000 đồng mà chị H đang giữ, khi chị H bỏ nhà đi đã đem theo. Anh Tr yêu cầu được nhận 1/2 tài sản chung này, tạm tính là 113.000.000 đồng. Anh Tr trình bày là chị H có trình bày trong đoạn ghi âm mà anh Tr đã nộp là: «Nhu vậy mình đã trả nợ hết rồi và đã mua được 02 cây vàng 24Kr và dư được 120.000.000 đồng, hỏi có ai trong hai năm như vợ chồng vậy không?» thì chị H đã thừa nhận có giữ 02 lượng vàng 24Kr và 120.000.000 đồng. Xét thấy, theo câu chữ trong đoạn ghi âm thì chị H chỉ trình bày quá trình trả nợ và số tiền tích góp được,

không thừa nhận chị đã lấy đi và giữ số tiền này khi chị H đi ra khỏi nhà. Chị H trình bày số tiền này hai vợ chồng đã đầu tư cho kho rơm và trả nợ cho hai vợ chồng khi vợ chồng còn chung sống với nhau. Hiện số tài sản này không còn. Anh Tr và chị H thống nhất về câu nói trong đoạn ghi âm, anh Tr trình bày đoạn ghi âm này ghi âm vào năm 2018 nhưng anh không có căn cứ chứng minh nên lời chị H thừa nhận đoạn ghi âm này ghi âm vào năm 2017 là có căn cứ.

Anh Tr không có chứng cứ chứng minh chị H đã lấy đi số vàng khi ra khỏi nhà nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của anh Tr.

[3.4] Nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về án phí:

Anh Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình không có giá ngạch theo điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Anh Tr và chị H mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản mà anh chị được chia theo điểm a Khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 91, 147, 244, 227, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 55, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 26, điểm a Khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Tr:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Minh Tr và chị Võ Thị Thu H;

- Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh Nguyễn Minh Tr và chị Võ Thị Thu H là giao Nguyễn Trung Hậu, sinh ngày 19/02/2014 cho chị H nuôi dưỡng, anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Tr có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh Tr đối với yêu cầu chia 02 lượng vàng 24Kv và 120.000.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu của chị H.



Giao cho anh Tr được quyền sở hữu căn nhà kết cấu C1, diện tích 149,25m<sup>2</sup> kết cấu móng cột bê tông cốt thép, nền gạch ceramic, vách tường, khu phụ đỡ mái gỗ quy cách, mái tole ximăng nằm trên phần đất thuộc thửa số 837, tờ bản đồ số 3, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2528/QSDD/Số 80/QĐUBHCG do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Gạo cấp cho bà Nguyễn Thị Kim H2 vào ngày 29/01/2004 tại ấp T, xã Th, huyện C, tỉnh T; 01 đi văng gỗ đỏ, thao lao kích thước 1,7m x 2,7m; 01 giường gỗ cây thao lao kích thước 1,6mx2m; 01 máy giặt hiệu Sanyo loại 6kg; 60 cây bưởi da xanh loại D và hàng rào lưới B40 diện tích 331,2m<sup>2</sup>. Anh Tr có nghĩa vụ hoàn lại cho chị H số tiền 195.241.000 đồng.

Ghi nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Minh Tr và chị Võ Thị Thu H: Anh Tr được sở hữu 01 xe máy hiệu Airblade biển số 63B4-337.80, anh Tr hoàn lại cho chị H số tiền 10.000.000 đồng.

Tổng cộng, anh Tr phải hoàn lại cho chị H số tiền 205.241.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

## 2. Về án phí:

Anh Tr phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

Anh Tr và chị H mỗi người phải chịu 10.262.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch.

Anh Tr đã nộp 3.125.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003474 ngày 25/02/2020 và biên lai thu số 0003844 ngày 12/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, nên anh phải nộp thêm 7.137.000 đồng.

Chị H đã nộp 9.137.500 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003552 ngày 18/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, nên chị phải nộp thêm 1.124.500 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Tr, chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà H2, anh B, anh T, Ngân hàng N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND h. Chợ Gạo;
- Chi cục THADS h. Chợ Gạo;
- UBND xã Th, h. Chợ Gạo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Huyền Ni**